TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2020/HNGĐ - ST
Ngày: 05-5-2020
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà: Không tham gia

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/ QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc Â, sinh năm 1971
Địa chỉ: số 197/10 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Bích G, sinh năm 1971
Địa chỉ: số 197/10 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Â trình bày: Ông và bà G qua quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức hôn lễ theo tập quán, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2010 thì thường xảy ra mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông, Bà đã không còn sống chung với nhau hơn 09 năm. Nay Ông không còn tình cảm với bà G nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn với bà G.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành H, sinh ngày 28/8/1991 và Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 10/6/1999 đã trưởng thành,có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: ông cam kết không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Bích G vắng mặt mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho toà án.

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc Â vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn bà Lê Thị Bích G vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lê Thị Bích G vắng mặt mặt dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc Â và bà Lê Thị Bích G tiến đến hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của ông Â: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Â yêu cầu ly hôn với bà G và bà G vắng mặt nhiều lần không gửi bản khai ý kiến cho toà án. Tại Đơn xin xác nhận ngày 19/12/2019, Uỷ ban nhân dân xã B, huyện Long Hồ xác nhận qua trích lục sổ bộ kết hôn tại Uỷ an nhân dân xã không có tên ông Â và bà G. Do Ông, Bà sống với nhau như vợ chồng mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, ông Â vẫn kiên quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc Â và bà Lê Thị Bích G là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành H, sinh ngày 28/8/1991 và Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 10/6/1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu gì đối với con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết;

[5] Về nợ chung: đương sự cam kết không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết

[6] Về án phí: ông Nguyễn Ngọc Â phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Ngọc Â và bà Lê Thị Bích G

2. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thành H, sinh ngày 28/8/1991 và Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 10/6/1999 đã trưởng thành, có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu gì đối với con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Ngọc Â nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0005470 ngày 30/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện